TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Duyên Văn Hiền.
2. Ông Huỳnh Văn Năm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Việt Xô- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2017, về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2017/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa:

- *Nguyên đơn*: **Lê Thị C**, sinh năm 1981 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn*: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1979 (vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Lê Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện, đến năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Thời gian chung sống vợ chồng tạo được 02 con chung tên là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 28/8/2005 và Nguyễn Hiếu Đ, sinh ngày 03/02/2010, hiện các con chung do chị đang nuôi dạy.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, dần về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp, dẫn đến vợ chồng hay cự cãi, từ đó hôn nhân không còn hạnh phúc, nên đã ly thân hơn 02 năm.

Nay trước tòa chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi hai con là cháu Nguyễn Hải Đ và cháu Nguyễn Hiếu Đ; không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Đ, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ vẫn vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành làm việc được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã H, huyện T, nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Đ vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Đ kết hôn vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện, đến năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện T (theo giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 12/3/2010), do vậy được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[3] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị C xác định thời gian chung sống do tính tình không hòa hợp, dẫn đến vợ chồng hay cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, nên vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm. Chị C xét thấy vợ chồng sống chung không đảm bảo được hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong khoảng thời gian ly thân chị C và anh Đ không có liên hệ với nhau để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tại phiên tòa chị C xác định không còn tình cảm với anh Đ và kiên quyết xin ly hôn với anh Đ. Nên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh Đ không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị C ly hôn với anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị C và anh Đ tạo được 02 con chung tên là Nguyễn Hải Đ và Nguyễn Hiếu Đ, hiện các con do chị C đang nuôi dạy. Chị C yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 28/8/2005 và Nguyễn Hiếu Đ, sinh ngày 03/02/2010; tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Hải Đ đã 12 tuổi, cháu Hiếu Đ đã đủ 7 tuổi, hai cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Lê Thị C. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định "nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"; Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị C giao cháu Hải Đ và cháu Hiếu Đ cho chị C nuôi dạy đến khi đủ 18 tuổi, anh Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố:

Chấp nhận cho chị **Lê Thị C** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn Đ**.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 28/8/2005 và cháu Nguyễn Hiếu Đ, sinh ngày 03/02/2010 cho chị C nuôi dạy đến khi đủ 18 tuổi, anh Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị C phải nộp án phí hôn nhân là 300.000 đồng, chị đã nộp tạm ứng 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0006721 ngày 07/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị C có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Giang Trung Kiên